



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

**Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 27 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty là 225.966 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: 1.636.693 triệu VND).

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Chi Thảo Nguyễn*

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>4.611.084.327.505</b>	<b>8.656.002.782.392</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>940.956.073.974</b>	<b>139.679.224.341</b>
Tiền	111		268.956.073.974	138.779.224.341
Các khoản tương đương tiền	112		672.000.000.000	900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.087.121.643.835</b>	<b>4.232.221.643.835</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16.1	3.087.121.643.835	4.232.221.643.835
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>524.012.858.566</b>	<b>4.247.610.046.782</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	40.515.111.652	44.794.876.008
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	10.514.184.554	16.558.547.617
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.1	125.000.000.000	350.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.1	347.983.562.360	3.836.056.623.157
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>58.993.751.130</b>	<b>36.491.867.434</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	44.028.078.829	25.345.437.749
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.818.562.499	9.999.319.883
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	1.147.109.802	1.147.109.802

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>65.973.916.884.500</b>	<b>64.965.356.115.511</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.708.495.000.000</b>	<b>1.583.495.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11.2	1.204.400.000.000	1.579.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	12.2	504.095.000.000	4.095.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>125.685.187.506</b>	<b>121.652.852.641</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	95.232.314.727	91.260.633.806
Nguyên giá	222		192.187.718.235	173.893.497.371
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.955.403.508)	(82.632.863.565)
Tài sản cố định vô hình	227	14	30.452.872.779	30.392.218.835
Nguyên giá	228		49.982.518.840	49.560.433.840
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.529.646.061)	(19.168.215.005)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>138.551.874.423</b>	<b>145.875.736.563</b>
Nguyên giá	231		298.548.709.832	298.548.709.832
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(159.996.835.409)	(152.672.973.269)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.910.000.000</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.910.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16.2</b>	<b>63.986.545.000.000</b>	<b>63.096.545.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		63.985.845.000.000	63.095.845.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.729.822.571</b>	<b>17.787.526.307</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	8.729.822.571	17.787.526.307
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>70.585.001.212.005</b>	<b>73.621.358.897.903</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>2.044.856.337.478</b>	<b>5.295.951.986.521</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.044.856.337.478</b>	<b>5.295.951.986.521</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	11.257.196.763	11.749.512.234
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.021.472.289	1.545.454.155
Phải trả người lao động	314		1.310.466.625	2.530.195.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	15.440.826.568	31.277.739.505
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.037.312.279	3.819.784.864
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.360.469.512	6.875.090.610
Vay ngắn hạn	320	22	730.769.231.975	3.833.307.693.293
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	1.277.659.361.467	1.404.846.516.798
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>68.540.144.874.527</b>	<b>68.325.406.911.382</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>68.540.144.874.527</b>	<b>68.325.406.911.382</b>
Vốn cổ phần	411	25	58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		791.912.766.694	803.140.822.060
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.388.814.691.563	6.162.848.673.052
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.162.848.673.052	702.187.674.687
- LNST kỳ này/năm nay	421b		225.966.018.511	5.460.660.998.365
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>70.585.001.212.005</b>	<b>73.621.358.897.903</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Thảo Nguyễn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	66.031.724.926	71.190.680.867
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	50.213.055.482	51.883.043.437
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>15.818.669.444</b>	<b>19.307.637.430</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	442.708.306.383	1.844.846.928.108
Chi phí tài chính	22	30	130.489.686.956	154.580.157.758
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>129.874.302.340</i>	<i>79.833.376.848</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	102.100.014.152	74.880.961.303
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>225.937.274.719</b>	<b>1.634.693.446.477</b>
Thu nhập khác	31		28.935.633	2.000.000.000
Chi phí khác	32		191.841	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>28.743.792</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>225.966.018.511</b>	<b>1.636.693.446.477</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>225.966.018.511</b>	<b>1.636.693.446.477</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Thảo Nguyên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>225.966.018.511</b>	<b>1.636.693.446.477</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		22.207.261.093	15.114.814.026
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		615.384.616	71.787.612.615
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(404.568.458.774)	(1.846.846.429.357)
Chi phí lãi vay	06		129.874.302.340	79.833.376.848
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(25.905.492.214)</b>	<b>(43.417.179.391)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		57.897.727.982	(31.446.403.257)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.374.438.528)	(29.753.378.276)
Biến động chi phí trả trước	12		(23.811.222.745)	(8.200.148.904)
			<b>2.806.574.495</b>	<b>(112.817.109.828)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(131.635.110.456)	(94.657.787.548)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(138.049.435.697)	(186.530.222.352)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(266.877.971.658)</b>	<b>(394.005.119.728)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(22.093.598.958)	(31.144.873.900)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	2.000.000.000
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(885.000.000.000)	(5.137.521.643.835)
Tiền thu hồi cho vay và thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		2.630.300.000.000	1.763.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(890.000.000.000)	(4.617.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		3.338.150.766.532	9.589.193.913.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.171.357.167.574</b>	<b>1.569.027.395.722</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		760.000.000.000	3.375.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.863.153.845.934)	(2.905.230.769.134)
Tiền trả cổ tức	36		(48.500.349)	(139.095.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.103.202.346.283)</b>	<b>469.630.135.366</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>801.276.849.633</b>	<b>1.644.652.411.360</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		139.679.224.341	703.474.108.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(18.249.150.943)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>940.956.073.974</b>	<b>2.329.877.369.184</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
 Nguyễn Thị Thảo Nguyễn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1 Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **1.2 Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **1.4 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 5 công ty con cấp 1 (1/1/2023: 5 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 16.2.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2023: 110 nhân viên).

## **2 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

#### **3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **3.3 Các khoản đầu tư**

##### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

**(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 10 năm     |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

**3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |           |        |
|-----------|--------|
| ▪ nhà cửa | 20 năm |
|-----------|--------|



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Chi phí sửa chữa văn phòng**

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

**(b) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(c) Chi phí làm thủ tục vay**

Chi phí làm thủ tục vay bao gồm các chi phí dàn xếp, chi phí đảm bảo và phí đại lý. Chi phí làm thủ tục vay được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian của khoản vay.

**3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**3.10 Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**3.11 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **3.12 Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(b) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **(c) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### **3.13 Thuê tài sản**

#### **Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

### **3.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

### **3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.16 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**4 Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5 Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6 Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**7 Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 8 Tiền và các khoản tương đương tiền

### 8.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.438.968.582	729.594.079
Tiền gửi ngân hàng	267.517.105.392	138.049.630.262
Các khoản tương đương tiền	672.000.000.000	900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	940.956.073.974	139.679.224.341
	<hr/>	<hr/>

### 8.2 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	466	10.682.918	827	19.030.027
		<hr/>		<hr/>

## 9 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	9.699.032.706	7.985.077.067
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	8.726.166.484	17.049.906.673
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	5.720.816.142	1.661.728.640
Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát	5.277.732.161	4.209.366.336
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	4.584.446.638	4.398.769.760
Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	2.341.643.836	2.190.520.548
Các bên liên quan khác	4.150.146.776	7.284.380.075
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	15.126.909	15.126.909
	<hr/>	<hr/>
	40.515.111.652	44.794.876.008
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên khác</b>		
Công ty cổ phần WINMEDIA	1.590.367.796	282.839.040
Công ty CP Du lịch và tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	-	3.489.606.150
Các nhà cung cấp khác	8.923.816.758	12.786.102.427
	<hr/>	<hr/>
	10.514.184.554	16.558.547.617
	<hr/>	<hr/>

**11 Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**

**11.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	125.000.000.000	133.200.000.000
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	-	127.000.000.000
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	-	90.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	125.000.000.000	350.200.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đây là khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại (2022: lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng thương mại).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	545.000.000.000	650.000.000.000
Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	407.000.000.000	382.000.000.000
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	172.400.000.000	7.400.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	40.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Phụ Kiện Cơ Khí Hoà Phát	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH chăn nuôi Hoà Phát Quảng Bình	-	155.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	-	145.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	-	83.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Dự Ứng Lực Hòa Phát	-	57.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.204.400.000.000	1.579.400.000.000

Các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại (2022: lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại).

**12 Phải thu khác**

**12.1 Phải thu ngắn hạn khác**

(a) *Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:*

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	177.023.000.000	3.650.000.000.000
Tiền lãi dự thu	160.490.334.333	119.656.247.571
Phải thu từ thanh toán hộ bên liên quan	9.251.945.637	64.472.957.788
Phải thu khác	1.218.282.390	1.927.417.798
	<hr/>	<hr/>
	347.983.562.360	3.836.056.623.157

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	100.023.000.000	1.000.000.000.000
Công ty CP Gang thép Hòa Phát	77.000.000.000	1.930.000.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	4.932.720.000	375.682.126.000
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	-	300.034.395.002
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	-	50.039.171.093
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	-	1.227.779.978
Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát	-	16.253.923
Các công ty con khác	830.179.268	55.310.322.297
<b>Bên khác</b>		
Các bên khác	165.197.663.092	123.746.574.864
	<b>347.983.562.360</b>	<b>3.836.056.623.157</b>

**12.2 Phải thu dài hạn khác**

**(a) Các khoản phải thu dài hạn khác chi tiết theo khoản mục:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	500.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.095.000.000	4.095.000.000
	<b>504.095.000.000</b>	<b>4.095.000.000</b>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác chi tiết theo đối tượng:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	500.000.000.000	-
<b>Bên khác</b>		
Các bên khác	4.095.000.000	4.095.000.000
	<b>504.095.000.000</b>	<b>4.095.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	6.884.450.941	6.578.681.745	80.632.554.417	79.797.810.268	173.893.497.371
Tăng trong kỳ	-	-	-	18.859.423.818	18.859.423.818
Xóa sổ	-	-	(565.202.954)	-	(565.202.954)
Số dư cuối kỳ	6.884.450.941	6.578.681.745	80.067.351.463	98.657.234.086	192.187.718.235
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	3.342.594.855	5.435.753.490	36.701.036.419	37.153.478.801	82.632.863.565
Khấu hao trong kỳ	344.222.988	122.909.184	5.070.744.450	9.349.866.275	14.887.742.897
Xóa sổ	-	-	(565.202.954)	-	(565.202.954)
Số dư cuối kỳ	3.686.817.843	5.558.662.674	41.206.577.915	46.503.345.076	96.955.403.508
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	3.541.856.086	1.142.928.255	43.931.517.998	42.644.331.467	91.260.633.806
Số dư cuối kỳ	3.197.633.098	1.020.019.071	38.860.773.548	52.153.889.010	95.232.314.727

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 48.035 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 48.452 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	20.805.025.340	49.560.433.840
Tăng trong kỳ	-	422.085.000	422.085.000
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	21.227.110.340	49.982.518.840
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	19.168.215.005	19.168.215.005
Khấu hao trong kỳ	-	361.431.056	361.431.056
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	-	19.529.646.061	19.529.646.061
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	1.636.810.335	30.392.218.835
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	1.697.464.279	30.452.872.779

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 18.904 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 18.904 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15 Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	298.548.709.832
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	152.672.973.269
Khấu hao trong kỳ	7.323.862.140
Số dư cuối kỳ	159.996.835.409
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	145.875.736.563
Số dư cuối kỳ	138.551.874.423

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16 Các khoản đầu tư tài chính**

**16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023	1/1/2023
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	3.087.121.643.835	4.232.221.643.835
Tiền gửi có kỳ hạn	3.087.121.643.835	4.232.221.643.835

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 5,5% đến 9,2%/năm (1/1/2023: từ 4,5% đến 6,5%/năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16.2 Đầu tư góp vốn vào công ty con và các đơn vị khác**

	30/6/2023			1/1/2023			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000 (*)	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000 (*)	(*)
Công ty CP Gang thép Hòa Phát (i)	99,999%	99,999%	48.389.220.000.000 (*)	99,998%	99,998%	47.499.220.000.000 (*)	(*)
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000 (*)	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000 (*)	(*)
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	99,967%	99,967%	5.998.000.000.000 (*)	99,967%	99,967%	5.998.000.000.000 (*)	(*)
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	99,900%	99,900%	999.000.000.000 (*)	99,900%	99,900%	999.000.000.000 (*)	(*)
			<u>63.985.845.000.000</u>			<u>63.095.845.000.000</u>	
<b>Đơn vị khác</b>							
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7,99%	700.000.000 (*)	7%	7,99%	700.000.000 (*)	(*)
			<u>63.986.545.000.000</u>			<u>63.096.545.000.000</u>	

(i) Ngày 15 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 6.500.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã góp 890.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17 Chi phí trả trước**

**17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo	25.133.255.038	9.191.040.230
Chi phí thuê văn phòng	14.122.848.138	10.062.163.636
Chi phí dàn xếp khoản vay	-	5.416.434.139
Chi phí khác	4.771.975.653	675.799.744
	44.028.078.829	25.345.437.749

**17.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí làm thủ tục vay VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.033.181.302	13.154.346.200	571.232.312	17.787.526.307
Tăng trong kỳ	-	-	96.000.000	1.303.164.500
Phân bổ trong kỳ	(219.910.827)	(8.769.851.262)	(423.218.358)	(10.360.868.236)
Số dư cuối kỳ	813.270.475	4.384.494.938	244.013.954	8.729.822.571

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18 Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	6.183.000	6.912.000
Các bên liên quan khác	-	9.172.000
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	4.057.014.000	-
Công ty CP Thương mại In Nhật Nam	-	4.124.705.760
Công ty TNHH Mặt trời vàng	-	1.709.836.364
Các nhà cung cấp khác	7.193.999.763	5.898.886.110
	<hr/>	<hr/>
	11.257.196.763	11.749.512.234

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19 Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023		Số phát sinh trong kỳ		30/6/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	42.218.630	38.985.000	(81.203.630)	425.650.100	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	254.819.135	7.747.116.950	(7.670.754.401)	-	331.181.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.459.702	-	-	-	721.459.702	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	1.248.416.390	5.017.554.572	(5.575.680.357)	-	690.290.605
Tiền thuế đất	-	-	256.319.147	(256.319.147)	-	-
Thuế, phí khác	-	-	8.110.885	(8.110.885)	-	-
	1.147.109.802	1.545.454.155	13.068.086.554	(13.592.068.420)	1.147.109.802	1.021.472.289

**20 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	15.440.826.568	31.277.739.505

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	850.262.631	898.762.980
Chi phí lãi vay phải trả	447.945.205	-
Phải trả khác	4.062.261.676	5.976.327.630
	<u>5.360.469.512</u>	<u>6.875.090.610</u>

**22 Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30/6/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.373.000.000.000	760.000.000.000	(3.133.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	1.460.307.693.293	-	(730.153.845.934)	615.384.616	730.769.231.975
	<u>3.833.307.693.293</u>	<u>760.000.000.000</u>	<u>(3.863.153.845.934)</u>	<u>615.384.616</u>	<u>730.769.231.975</u>

(\*) Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Khoản vay được bảo lãnh bởi hai công ty con là Công ty CP Thép Hải Dương và Công ty TNHH Ông Thép Hòa Phát.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.404.846.516.798	802.082.260.130
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	-	761.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(127.187.155.331)	(128.780.816.500)
Số dư cuối kỳ	1.277.659.361.467	1.434.301.443.630

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24 Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	891.907.691.966	17.118.278.967.687	65.950.974.135.923
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.636.693.446.477	1.636.693.446.477
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(2.236.461.353.000)	(2.236.461.353.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(761.000.000.000)	(761.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	-	-	(73.068.300.858)	-	(73.068.300.858)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	818.839.391.108	15.757.511.061.164	64.517.137.928.542
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	803.140.822.060	6.162.848.673.052	68.325.406.911.382
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	225.966.018.511	225.966.018.511
Sử dụng trong kỳ	-	-	(11.228.055.366)	-	(11.228.055.366)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	791.912.766.694	6.388.814.691.563	68.540.144.874.527

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 25 **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 26 **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

### **Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	46.373.040.156	46.001.662.380
Trong vòng hai đến năm năm	110.288.549.520	184.054.649.520
Sau năm năm	8.054.023.160	1.909.554.350
	<b>164.715.612.836</b>	<b>231.965.866.250</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, dịch vụ đã cung cấp và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Cung cấp dịch vụ	51.260.924.926	55.590.930.867
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	14.770.800.000	15.599.750.000
	66.031.724.926	71.190.680.867
Doanh thu thuần	66.031.724.926	71.190.680.867

**28 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ đã cung cấp	42.889.193.342	44.443.393.027
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	7.323.862.140	7.439.650.410
	50.213.055.482	51.883.043.437
	50.213.055.482	51.883.043.437

**29 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	172.845.458.774	120.967.115.075
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	231.723.000.000	1.723.879.314.282
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.139.847.609	498.751
	442.708.306.383	1.844.846.928.108
	442.708.306.383	1.844.846.928.108

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30 Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí đi vay	129.874.302.340	79.833.376.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.959.168.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	615.384.616	71.787.612.615
	<hr/>	<hr/>
	130.489.686.956	154.580.157.758
	<hr/>	<hr/>

**31 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.884.674.507	14.351.482.535
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	1.505.642.040	1.107.308.380
Chi phí khấu hao	14.255.846.599	7.163.399.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.477.792.151	40.016.766.267
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	30.976.058.855	12.242.004.589
	<hr/>	<hr/>
	102.100.014.152	74.880.961.303
	<hr/>	<hr/>

**32 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.884.674.507	14.351.482.535
Chi phí khấu hao	22.207.261.093	15.114.814.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.245.075.179	85.055.703.590
Chi phí khác	30.976.058.855	12.242.004.589
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 33 Thuế thu nhập

#### 33.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	225.966.018.511	1.636.693.446.477
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	28.394.927.026	8.028.818.665
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	(231.723.000.000)	(1.723.879.314.282)
Lỗ tính thuế được mang sang kỳ sau chưa được ghi nhận	-	79.157.049.140
Lỗ tính thuế được sử dụng	(22.637.945.537)	
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 33.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/6/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	103.606.314.253	20.721.262.851	126.244.259.790	25.248.851.958

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	103.606.314.253

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích tính thuế của khoản mục đó.

#### 33.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty CP Gang thép Hòa Phát</b>		
Góp vốn	890.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	1.353.779.314.282
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	1.853.000.000.000	7.353.779.314.282
<b>Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát</b>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	231.723.000.000	73.100.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	631.700.000.000	873.100.000.000
<b>Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát</b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	370.000.000.000	-
Các khoản vay	50.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay	50.000.000.000	-
Góp vốn	-	4.000.000.000.000
Các khoản cho vay	-	300.000.000.000
<b>Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát</b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	50.000.000.000	-
Các khoản cho vay	165.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.622.706.239	-
Góp vốn	-	617.000.000.000
<b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	297.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	300.000.000.000	297.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	568.750.000	489.803.684
<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b>		
Cho vay	-	28.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	925.549.154	890.669.424
Nhận thanh toán gốc vay	-	28.000.000.000
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	14.112.233.071	19.424.258.375

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
<b>Công ty CP Thép Hoà Phát Dung Quất</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.112.780.487	9.828.317.465
Các khoản cho vay	50.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	177.000.000.000	-
Các khoản vay	450.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay	450.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.640.388.696	9.261.654.889
<b>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.516.092.350	7.809.702.950
Các khoản vay	184.400.000.000	-
Thanh toán khoản vay	184.400.000.000	-
<b>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.352.007.461	10.885.882.616
<b>Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	-	150.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.232.024.864	1.204.463.508
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	116.000.000.000
<b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.129.256.262	2.605.383.218
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	15.974.916.636
<b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.321.622.117	1.339.626.624
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	805.244.349.481
Các khoản vay	-	1.402.170.000.000
Thanh toán khoản vay	-	1.402.170.000.000
<b>Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	54.479.829	42.598.042
Các khoản cho vay	195.000.000.000	100.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	390.000.000.000	180.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	626.418.125
<b>Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	131.625.650



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
<b><i>Công ty TNHH Harmonia</i></b>		
Mua hàng hóa dịch vụ	45.040.001	27.525.337
<b><i>Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	46.055.580	33.786.634
<b><i>Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	337.001.086
<b><i>Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	20.838.379	11.373.296
Nhận thanh toán gốc vay	57.000.000.000	-
<b><i>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	58.806.922	61.708.490
<b><i>Công ty CP Xây dựng Long Việt</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	1.329.476.877	1.295.726.356
Mua hàng hóa dịch vụ	926.722.500	707.517.800
<b><i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	917.772.740	903.394.078
<b><i>Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	1.505.002.127	1.469.798.274
<b><i>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	744.453.905	747.421.580
<b><i>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	464.224.338
<b><i>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình</i></b>		
Các khoản cho vay	70.000.000.000	305.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	233.200.000.000	-
<b><i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng</i></b>		
Các khoản cho vay	-	200.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	145.000.000.000	37.200.000.000
<b><i>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	217.727.570

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	723.420.867	724.708.866
Mua hàng hóa dịch vụ	38.461.500	35.832.000
Nhận thanh toán gốc vay	20.000.000.000	-
<b><i>Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát</i></b>		
Các khoản cho vay	-	145.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	83.000.000.000	114.100.000.000
<b><i>Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	14.492.682
Các khoản cho vay	30.000.000.000	30,000,000,000
Nhận thanh toán gốc vay	30.000.000.000	30,000,000,000
<b><i>Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	54.901.303	42.830.919
Các khoản vay	50.000.000.000	-
Thanh toán khoản vay	50.000.000.000	-
<b><i>Công ty cổ phần Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ</i></b>		
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-
<b><i>Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát</i></b>		
Các khoản vay	75.600.000.000	-
Thanh toán khoản vay	75.600.000.000	-
<b><i>Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy</i></b>		
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	10.000.000.000	-
<b><i>Công ty CP phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	28.168.386
<b><i>Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên</i></b>		
Các khoản vay	-	697.380.000.000
Thanh toán khoản vay	-	697.380.000.000
<b><i>Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc</i></b>		
Các khoản vay	-	81.150.000.000
Thanh toán khoản vay	-	81.150.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty CP Vận tải và Dịch vụ thương mại Hà Nội</b>		
Các khoản vay	-	19.300.000.000
Thanh toán khoản vay	-	19.300.000.000
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	27.720.000.000	-
<b>Thành viên của Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.000.800.000	3.600.000.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao, lương và thưởng	1.368.621.299	1.406.804.345

### 35 Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Thị Thảo Nguyễn